

Cao Bằng, ngày 20 tháng 7 năm 2022

**ĐIỂM THI**

Lớp: Bồi dưỡng ngạch chuyên viên khóa 98

Môn: Phần I. Kiến thức chung + II. Kiến thức quản lý nhà nước theo ngành và lãnh thổ

Ngày thi: 28/6/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Nông Ngọc Ánh	8,00	Tám	34	Nông Thị Ngọc Mai	7,50	Bảy phẩy năm
2	Hà Thị Ngọc Bích	7,50	Bảy phẩy năm	35	Hoàng Văn Mẫn	7,25	Bảy phẩy hai năm
3	Đàm Thế Cường	6,50	Sáu phẩy năm	36	Mã Thị Mơ	7,25	Bảy phẩy hai năm
4	Đàm Văn Đại	5,00	Năm	37	Nguyễn Hùng Mạnh	6,25	Sáu phẩy hai năm
5	Nông Văn Định	7,00	Bảy	38	Tô Thị Nga	7,75	Bảy phẩy bảy năm
6	Trương Cao Dũng	7,25	Bảy phẩy hai năm	39	Lý Phương Nga	7,75	Bảy phẩy bảy năm
7	Lương Thị Duyên	6,50	Sáu phẩy năm	40	Lô Kiều Ngân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
8	Nguyễn Đức Giang	6,50	Sáu phẩy năm	41	Chu Thị Nghiệp	8,00	Tám
9	Nguyễn Trường Giang	6,50	Sáu phẩy năm	42	Đàm Hoàng Nguyệt	7,75	Bảy phẩy bảy năm
10	Bùi Khánh Hà	7,50	Bảy phẩy năm	43	Lưu Thị Phong Nhã	8,00	Tám
11	Trần Thị Hà	7,75	Bảy phẩy bảy năm	44	Vi Thị Ninh	6,50	Sáu phẩy năm
12	Ma Nguyễn Hà	8,25	Tám phẩy hai năm	45	Nông Văn Phác	7,00	Bảy
13	Nguyễn Thị Thanh Hoa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	46	Lục Thị Thu Phương	8,00	Tám
14	Nông Thị Hoài	7,75	Bảy phẩy bảy năm	47	Nông Thị Quyên	8,00	Tám
15	Phạm Tiến Hoàng	6,50	Sáu phẩy năm	48	Nguyễn Bích Sâm	6,50	Sáu phẩy năm
16	Lãnh Minh Huệ	8,00	Tám	49	Đỗ Thị Minh Tâm	6,50	Sáu phẩy năm
17	Nguyễn Thị Kim Huệ	8,00	Tám	50	Hà Thị Tâm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
18	Long Thị Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	51	Huỳnh Cao Thái	8,00	Tám
19	Bùi Thị Hưng	7,25	Bảy phẩy hai năm	52	Hoàng Thị Thơm	6,00	Sáu
20	Trần Bằng Hưng	7,25	Bảy phẩy hai năm	53	Hoàng Thị Thu	8,00	Tám
21	Nguyễn Thu Hường	8,00	Tám	54	Nông Thị Thu	7,75	Bảy phẩy bảy năm
22	Đoàn Thị Thanh Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	La Thị Thùy	7,50	Bảy phẩy năm
23	Nông Tuấn Khải	7,50	Bảy phẩy năm	56	Trần Thị Thuyến	7,75	Bảy phẩy bảy năm
24	Nguyễn Thị Thanh Lam	7,50	Bảy phẩy năm	57	Đinh Ích Tiệp	6,25	Sáu phẩy hai năm

Jhb

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
25	Đinh Thị Hương Lan	7,50	Bảy phẩy năm	58	Lê Thị Tinh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
26	Nông Thị Lành	7,50	Bảy phẩy năm	59	Đinh Ngọc Trang	8,00	Tám
27	Nông Thị Thu Lệ	7,50	Bảy phẩy năm	60	Nguyễn Huyền Trang	8,00	Tám
28	Lý Thị Liên	6,75	Sáu phẩy bảy năm	61	Vi Thị Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
29	Đàm Thị Liễu	7,25	Bảy phẩy hai năm	62	Lương Anh Tuấn	7,50	Bảy phẩy năm
30	Vương Thị Linh	8,25	Tám phẩy hai năm	63	Phạm Văn Tuấn	7,50	Bảy phẩy năm
31	Nguyễn Thanh Long	7,75	Bảy phẩy bảy năm	64	Nguyễn Thị Tuyền	8,00	Tám
32	Lê Hương Ly	7,50	Bảy phẩy năm	65	Hoàng Văn Xinh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
33	Hoàng Mông Mạc	7,25	Bảy phẩy hai năm	66	Đàm Thị Xuân	7,50	Bảy phẩy năm

Điểm 5,00: 01 điểm; Điểm 6,00: 01 điểm; Điểm 6,25: 02 điểm; Điểm 6,50: 08 điểm; Điểm 6,75: 01 điểm; Điểm 7,00: 02 điểm; Điểm 7,25: 07 điểm; Điểm 7,50: 13 điểm; Điểm 7,75: 16 điểm; Điểm 8,00: 13 điểm; Điểm 8,25: 02 điểm./

**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**HIỆU TRƯỞNG**

*DHL*

*VanThuy*



**Đoàn Thị Kim Liên**

**Đoàn Thị Vân Thúy**

**Trịnh Thị Ánh Hoa**